

CHÍNH PHỦ
Số: 112/2007/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Luật thể dục, thể thao

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;
Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Điều 4, 10, 11, 21, 28, 31, 50, 53, 55, 56, 57, 65 và 67 của Luật thể dục, thể thao về các nội dung sau:

- a) Chính sách của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển thể dục, thể thao;
- b) Phát triển thể dục, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao;
- c) Giáo dục thể chất và hoạt động thể dục, thể thao trong các cơ sở giáo dục đào tạo và trong lực lượng vũ trang;
- d) Quy định về việc sử dụng đất đai dành cho phát triển thể dục, thể thao;
- đ) Quỹ hỗ trợ phát triển tài năng thể thao;
- e) Quyền sở hữu đối với giải thể thao thành tích cao và giải thể thao chuyên nghiệp;
- g) Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thể dục, thể thao;
- h) Kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp; hoạt động của đơn vị sự nghiệp thể thao, doanh nghiệp thể thao và hộ kinh doanh hoạt động thể thao.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân Việt Nam (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thể dục, thể thao);

b) Tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia hoạt động thể dục, thể thao trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Chính sách nhà nước về phát triển thể dục, thể thao

1. Ngân sách nhà nước chi cho thể dục, thể thao được bố trí tăng dần hàng năm; phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và yêu cầu phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao. Việc lập dự toán, phân bổ và quản lý Ngân sách nhà nước chi cho thể dục, thể thao được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật ngân sách nhà nước.

2. Đất dành cho thể dục, thể thao:

a) Quy hoạch đất dành cho thể dục, thể thao thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật về bình quân diện tích đất thể dục, thể thao trên đầu người tương ứng với từng khu vực, lãnh thổ cụ thể;

b) Căn cứ vào điều kiện thực tiễn của từng địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho thể dục, thể thao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật đất đai và pháp luật liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu thể thao; nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ thể dục, thể thao; thành lập cơ sở dịch vụ hoạt động thể thao được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và đất đai theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư hỗ trợ phát triển thể dục, thể thao ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc.

a) Nội dung ưu tiên đầu tư:

- Hỗ trợ tổ chức hoạt động thể dục, thể thao quần chúng;

- Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên thể dục, thể thao;
- Tuyên truyền, hướng dẫn tập luyện các môn thể thao;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng của Trung tâm thể thao vùng hoặc khu vực;
- Bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc.

b) Ủy ban Thể dục thể thao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan quy định danh mục các môn thể thao dân tộc.

Điều 3. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thể dục, thể thao

1. Hành vi sử dụng chất kích thích, phương pháp bị cấm trong tập luyện và thi đấu thể thao:

a) Sử dụng chất kích thích thuộc danh mục bị cấm trong quá trình tập luyện và thi đấu thể thao.

Danh mục chất kích thích bị cấm do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao ban hành phù hợp với quy định của Hiệp hội phòng, chống doping quốc tế;

b) Sử dụng những bài tập, môn thể thao hoặc các phương pháp tập luyện và thi đấu gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng con người, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc ảnh hưởng an ninh, trật tự an toàn xã hội.

2. Hành vi gian lận trong hoạt động thể thao:

a) Gian lận tên, tuổi, giới tính trong thi đấu thể thao;

b) Trực tiếp làm sai lệch kết quả thi đấu thể thao;

c) Gian lận về thành tích và tuyển chọn người vào đội tuyển thể thao, các trường năng khiếu thể thao.

3. Hành vi bạo lực trong hoạt động thể thao:

a) Cố ý gây chấn thương, chơi thô bạo gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người khác trong tập luyện, thi đấu thể thao;

b) Đe dọa, xúc phạm các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động thể thao.

4. Hành vi cản trở hoạt động thể dục, thể thao hợp pháp của tổ chức, cá nhân:

a) Không tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao cho các tổ chức, cá nhân liên quan trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình;

b) Không bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu thể thao trong phạm vi nhiệm vụ của mình;

c) lạm dụng quyền hoặc dùng ảnh hưởng của mình để ngăn cản các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

Điều 4. Phát triển thể dục, thể thao quần chúng

1. Ủy ban Thể dục thể thao có trách nhiệm xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển thể dục, thể thao quần chúng phù hợp và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi toàn quốc.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển thể dục, thể thao quần chúng phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch, kế hoạch phát triển thể dục, thể thao quốc gia.

3. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục, thể thao quần chúng

a) Công trình thể dục, thể thao công cộng, bao gồm:

- Sân vận động;
- Sân tập thể thao;
- Nhà tập luyện, thi đấu thể thao;
- Bể bơi;
- Các công trình thể dục, thể thao khác.

b) Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm nguồn lực để xây dựng các công trình thể thao công cộng tại địa phương theo quy định sau:

- Mỗi thôn, làng, ấp, bản phải có sân tập thể thao đơn giản;
- Mỗi xã, phường, thị trấn phải có ít nhất một công trình thể dục, thể thao quy định tại điểm a khoản này;
- Mỗi huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) phải có ít nhất hai trong các công trình thể dục, thể thao cấp huyện: sân vận động, bể bơi, nhà tập luyện thể thao;
- Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có các công trình thể dục, thể thao cấp tỉnh: sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu thể thao.

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thể dục, thể thao trong các lĩnh vực sau:

a) Xây dựng, khai thác các công trình thể dục, thể thao công cộng;

b) Thành lập các câu lạc bộ thể dục, thể thao quần chúng;

c) Phổ biến, hướng dẫn và tổ chức cho mọi người tham gia tập luyện thể dục, thể thao;

d) Giúp đỡ, hỗ trợ để người khuyết tật tham gia hoạt động thể dục, thể thao; xây dựng chương trình bài tập và hướng dẫn người khuyết tật tập luyện; đầu tư nghiên cứu và sản xuất các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ người khuyết tật tập luyện, thi đấu thể dục, thể thao;

đ) Giúp đỡ, hỗ trợ để người cao tuổi tham gia hoạt động thể dục, thể thao; phổ biến các phương pháp tập luyện cho người cao tuổi; phối hợp với Hội người cao tuổi thành lập câu lạc bộ thể dục, thể thao người cao tuổi ở xã, phường, thị trấn.

Điều 5. Cộng tác viên thể dục, thể thao

1. Cộng tác viên thể dục, thể thao là người có trình độ chuyên môn thể dục, thể thao. Cộng tác viên thể dục, thể thao được trả thù lao khi thực hiện nhiệm vụ vận động, tổ chức, hướng dẫn mọi người tập luyện thể dục, biểu diễn - thi đấu thể thao và tham gia hoạt động phát triển phong trào thể dục, thể thao ở cơ sở.

2. Căn cứ quy hoạch phát triển chung của ngành thể dục thể thao, Sở Thể dục thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên thể dục, thể thao sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

3. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao quy định tiêu chuẩn chuyên môn của cộng tác viên thể dục, thể thao.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn việc chi trả thù lao cho cộng tác viên thể dục, thể thao.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp đối với việc bảo đảm các điều kiện tham gia hoạt động thể dục, thể thao cho cán bộ, công chức và người lao động